

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: **26/6/2019**.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Tùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Hưng Sơn**

+ Bà **Lữ Kim Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Khánh** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **380/2018/TLST-HNGĐ** ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX – ST ngày 24/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐXX – ST ngày 11/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kiều T** – SN: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 1/3 ấp DL – NN - Cẩm Mỹ - Đồng Nai

Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy L** – SN: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 23/2 ấp DL – NN - Cẩm Mỹ - Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau nên vào năm 2004 chị và anh Nguyễn Duy L tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H – huyện X – tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người.

Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc do anh L có tính lẳng nhăng, trăng hoa, trai gái và còn thường xuyên đánh đập chị. Từ ngày 11/5/2017 đến nay anh chị đã sống ly thân.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Phúc Đ – sinh ngày 29/4/2006 và Nguyễn Bảo N – sinh ngày 10/7/2008. Hiện hai cháu đang sống cùng chị.

Vợ chồng có tài sản chung, nợ chung.

Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên có nguyện vọng như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn

- Về con chung: chị có nguyện vọng xin nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

* Anh Nguyễn Duy L mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

* Các tài liệu chứng cứ:

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh.

- Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Ủy ban Nhân dân xã NN ngày 20/02/2019.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Về việc áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Luật HNGĐ năm 2000 để giải quyết cho chị T – anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Duy L để giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung. Đây là quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Chị T là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình trốn tránh, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L biết để tham dự nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo điều 227 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L nhận thấy: vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, anh chị tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị chung sống cho đến năm 2017 mới ly thân. Thời điểm này Luật HNGĐ năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy căn cứ Luật HNGĐ năm 2014 để giải quyết là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy:

Chị T có nguyện vọng ly hôn, anh L không có lời khai nhưng qua xác minh tại Ủy ban Nhân dân xã NN vào ngày 20/02/2019 thì “anh L có đánh đập chị T hay không thì

địa phương không nắm được nhưng anh L đang có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là đúng. Hiện chị T và anh L đã sống ly thân, chị T đang nuôi 02 con chung”. Như vậy mâu thuẫn giữa anh L và chị T là có thật và cả hai không còn sống chung. Anh L biết rõ chị T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh nhưng anh đều cố tình trốn tránh, không hợp tác. Điều này thể hiện anh không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, tình cảm đã rạn nứt, không thể nào tiếp tục chung sống được nữa; nên cho chị T ly hôn anh L là phù hợp.

[5] Về con chung: xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay các cháu do chị T nuôi dưỡng. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, anh L đều vắng mặt nên đảm bảo quyền lợi cho các cháu, xét cần tiếp tục giao cháu Đ và cháu N cho chị T nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng: chị T không yêu cầu nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L.

Khi cần thiết, chị T – anh L có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: theo chị T là không có, anh L không có lời khai và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên cũng không xem xét.

[9] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của vị đại diện VKS phù hợp với HĐXX về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án nên được chấp nhận. Riêng về việc áp dụng pháp luật thì không được chấp nhận.

[11] Về án phí: chị T phải chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều **28, 35, 39, 144, 147, 227, 228** Bộ luật TTDS.

- Căn cứ các **Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn anh Nguyễn Duy L.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Phúc Đ – sinh ngày 29/4/2006 và Nguyễn Bảo N – sinh ngày 10/7/2008 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Duy L.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Khi cần thiết, chị T, anh L có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị T là không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị Kiều T nộp **300.000 (Ba trăm ngàn)** đồng án phí LHST. Chuyển **300.000 (Ba trăm ngàn)** đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí mà chị T đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu tiền số **004581** ngày **14/12/2018**.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- THA huyện
- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Hiệp, Xuyên Mộc,
Bà Rịa Vũng Tàu (giấy CNKH số 55/2004)
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng